

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HSST  
Ngày 25/6/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Đoàn Thị Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Chính là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/HSST-QĐ ngày 11/6/2021 đối với các bị cáo:

**1/ Bùi Văn T**, sinh năm 1958, tại Hà Nam; nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới T1: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B và bà Phan Thị Ng (đều đã chết); vợ: Đinh Thị P, sinh năm 1969; con: có hai con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/3/1997 Tòa án nhân dân thị xã Phủ Lý (nay là thành phố Phủ Lý) xử phạt 03 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”. Tạm giữ ngày 22/02/2021 đến ngày 02/3/2021 được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**2/ Bùi Văn T1**, sinh năm 1963 tại Hà Nam; nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B và bà Phan Thị Ng (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1967 (đã ly hôn); con: có một con sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/3/1997 Tòa án nhân dân thị xã Phủ Lý (nay là thành

phố Phủ Lý) xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị tạm giữ ngày 22/02/2021 đến ngày 02/3/2021 được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**3/ Phạm Văn H**, sinh năm 1972 tại Hà Nam; nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới T1: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1944; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; con: Có một con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/3/1997 Tòa án nhân dân thị xã Phủ Lý (nay là thành phố Phủ Lý) xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Ngày 01/9/2006 Công an phường T, thị xã Phủ Lý (nay là thành phố Phủ Lý) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 500.000đ về hành vi “Đánh bạc”. Bị tạm giữ ngày 22/02/2021 đến ngày 02/3/2021 được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**4/ Trần Đức Tr**, sinh năm 1963 tại Nam Định; nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Tổ 8, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới T1: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức C và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1968; con: Có hai con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 22/02/2021 đến ngày 02/3/2021 được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**5/ Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác V)**, sinh năm 1980 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: Phố 2, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới T1: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1941(tên gọi khác Nguyễn Trọng T) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1948; chồng: Nguyễn Anh T1 (đã ly hôn); con: Có một con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 22/02/2021 đến ngày 02/3/2021 được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Bùi Sơn T2, sinh năm 1993; trú tại: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt không có lý do.

+ Hợp tác xã P. Địa chỉ: Số 83 T, phường P, quận T, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Hà Kim P, sinh năm 1960; trú tại: Số 83, đường T, phường P, quận T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

**- Người chứng kiến:** Ông Nguyễn Xuân Tr1, sinh năm 1973. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 22/02/2021, Trần Đức Tr và Phạm Văn H đến nhà Bùi Văn T và Bùi Văn T1 (do bố mẹ T1 để lại chưa phân chia) ở tổ dân phố M, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam ăn cơm trưa với T1. Sau khi ăn xong, T1, Tr, H đang ngồi uống nước thì T vào, cả bốn người rủ nhau đánh phỏm được thua bằng tiền. T1 cầm hai bộ tứ lơ khơ trên mặt bàn để xuống chiếu vừa ngồi ăn cơm rồi cùng mọi người bắt đầu đánh bạc được khoảng 30 phút thì Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác V) đến, lúc này T1 đã thua hết số tiền có trong người nên đồng ý để H1 cầm bài của T1 đang đánh dở để tiếp tục đánh bạc với T, Tr và H. Một lúc sau anh Nguyễn Xuân Tr1, sinh năm 1973, trú tại: tổ 10, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam đến, T1 mở cửa cho anh Tr1 vào và chốt cửa bên trong lại (mục đích không cho người khác phát hiện việc đánh bạc). Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày thì bị tổ công tác Đội điều tra tổng hợp Công an thành phố Phủ Lý phát hiện bắt quả tang. Lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ vật chứng, tài sản gồm:

- Thu tại nền nhà gian phòng khách nơi các đối tượng ngồi đánh bạc 01 bộ tứ lơ khơ, mỗi bộ 52 quân bài, một bộ có hoa văn màu trắng – xanh, một bộ có hoa văn màu trắng – đỏ; 01 chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng màu đỏ - trắng - xanh, kích thước (1,6 x 2,0)m; số tiền 5.600.000đ.

- Thu giữ của Bùi Văn T số tiền 660.000đ được niêm phong ký hiệu B1; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng được niêm phong ký hiệu C1; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream BKS 90B1-794.68 màu sơn nâu.

- Thu giữ của Trần Đức Tr số tiền 60.000đ được niêm phong ký hiệu B2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A31 màu xanh được niêm phong ký hiệu C2; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe BKS 30M-5534.

- Thu giữ của Phạm Văn H số tiền 18.380.000đ được niêm phong ký hiệu B3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S8 Plus màu đen được niêm phong ký hiệu C3; 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 90B1-084.99 màu sơn đen – bạc.

- Thu của Nguyễn Thị H1 số tiền 670.000đ được niêm phong ký hiệu B4; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng được niêm phong ký hiệu C4; 01 ví giả da màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza BKS 90B2-584.16.

Quy luật chơi và tỉ lệ được thua như sau: Người chơi sử dụng hai bộ bài lá, mỗi bộ có 52 quân được ký hiệu từ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A (A gọi là át) và các chất lần lượt là rô, cơ, bích, tép. Sau khi kết thúc ván bài thì chuyển sang bộ bài thứ hai để đánh tiếp.

Khi bắt đầu chơi thì một người chia bài cho những người còn lại mỗi người 09 cây, riêng người chia bài sẽ được 10 cây, số cây tứ còn lại thì để úp ở giữa. Người chia bài là người đánh đầu tiên cho người ngồi kế tiếp bên phải, nếu có bài ăn tạo “phỏm” thì người được đánh sẽ lấy cây tứ đó, còn không thì bốc một cây tứ

ở giữa, cứ như vậy đánh lần lượt theo vòng bên phải cho đến khi có người “ù” hoặc hết cây tú để bốc thì kết thúc ván chơi. “Phỏm là có ba cây tú trở lên tạo thành bộ liên tiếp cùng chất cơ, rô, bích, tép hoặc cùng một loại ba cây 2, ba cây 3.... “ù” là bài có ba “phỏm”; bài “cháy” là không có “phỏm” nào. Nếu ai được bài “ù” thì thu của những người chơi còn lại mỗi người 100.000đ, “ù đèn” là người chơi bị ăn ba quân bài phải trả cho người “ù” là 400.000đ, nếu không có ai “ù” thì so sánh “điểm” giữa các người chơi (điểm được T1 bằng tổng của những cây tú còn lại không tạo thành “phỏm), “điểm” thấp nhất là người về nhất và thu của người về thứ hai 20.000đ, người về thứ 3 là 40.000đ, người về cuối là 60.000đ, ai bị “cháy” thì nộp 80.000đ cho người về nhất; ai bị ăn một cây tú thì nộp 20.000đ, ai bị ăn cây tú “chốt” thì nộp 80.000đ cho người ăn cây tú đó.

Quá trình điều tra xác định: Ngoài số tiền 5.600.000đ thu giữ tại chiếu bạc còn có 660.000đ thu của Bùi Văn T, 670.000đ thu của Nguyễn Thị H1 là tiền T và H1 sử dụng để đánh bạc. Do vậy Tổng số tiền T1, T, Tr, H và H1 sử dụng để đánh bạc là 6.930.000đ.

Tại bản cáo trạng số 75/CT-VKS-PL ngày 11/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung về nội dung đã truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51(điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Trần Đức Tr; điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Thị H1; khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Bùi Văn T1); Điều 17, Điều 50, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1.

Đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1 và Phạm Văn H mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; bị cáo Trần Đức Tr, Nguyễn Thị H1 từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321, Điều 35 Bộ luật Hình sự. Đề xuất phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Văn T1, Phạm Văn H Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 mỗi bị cáo từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ để sung Ngân sách Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T vì bị cáo đã hết tuổi lao động. Hướng xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã

truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và không có lời tự bào chữa. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Các chứng cứ thu thập trong hồ sơ là hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tòa xét xử vắng mặt và công bố lời khai tại phiên tòa theo đúng trình tự luật định.

[3] Đánh giá về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ của vụ án như biên bản phạm pháp quả tang, biên bản thu giữ niêm phong vật chứng, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

*Như vậy Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ buộc tội kết luận:* Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 22/02/2021 tại nhà thuộc quyền quản lý sử dụng của Bùi Văn T và Bùi Văn T1 tại tổ dân phố M, phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi “phỏm” được thua bằng tiền thì bị tổ công tác Đội điều tra tổng hợp Công an thành phố Phủ Lý phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 6.930.000đ. Hành vi nêu trên của các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội có căn cứ pháp luật.

[4] Về hình phạt chính, hình phạt bổ sung:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng trên địa bàn thành phố Phủ Lý, gây ảnh

hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội. Hành vi này nếu không được ngăn chặn kịp thời sẽ kéo theo nhiều hệ lụy cho xã hội. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo bằng mức hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng. Tuy nhiên cũng cần phải đánh giá vai trò của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp, khách quan, phản ánh đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Về vị trí vai trò của các bị cáo: Căn cứ Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự thì đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn T1 là người đã sử dụng nhà do mình quản lý cho các bị cáo còn lại đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò cao nhất. Bị cáo Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thực hành tích cực. Căn cứ vị trí, vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình nhưng cũng cần cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp.

Về nhân thân: Các cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H có nhân thân xấu, bị cáo T, T1 đã từng bị xét xử về tội đánh bạc. Bị cáo Phạm Văn H cũng từng bị xét xử về tội đánh bạc và bị xử phạt vi phạm hành chính về tội đánh bạc. Bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 là người có nhân thân tốt lần đầu phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1 Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo H1 và bị cáo Tr lần đầu phạm tội. Bị cáo Bùi Văn T1 có thời gian phục vụ quân đội từ tháng 9/1983 đến tháng 10/1986 hoàn thành nghĩa vụ xuất ngũ về địa phương. Bị cáo Nguyễn Thị H1 có bố đẻ là thương binh hạng 2/4 và được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba. Từ những tình nêu trên Hội đồng xét xử sẽ xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Qua xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy.

Các bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng, nhân thân tốt, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thực sự ăn năn hối hận về hành vi phạm tội và có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1 và Phạm Văn H tuy đã từng vi phạm pháp luật hình sự về hành vi “Đánh bạc” bị kết án nhưng đã xóa án tích, tiền sự. Lần phạm tội này của các bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền tham gia đánh bạc ở mức độ đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo T, T1, H có nơi cư

trú rõ ràng, thực sự hối hận về hành vi phạm tội đã gây ra và đảm bảo điều kiện về thời hạn được coi là đã xóa án tích, xóa tiền sự.

Do đó các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 đều đủ điều kiện được quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình cho các bị cáo T, T1, H, Tr và H1 được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để các bị cáo tự cải tạo tại địa phương dưới sự quản lý giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật và thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với mục đích sát phạt nhau để thu lời bất chính, do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 theo quy định tại Điều 35 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên có xem xét đến điều kiện hoàn cảnh thực tế của từng bị cáo để áp dụng mức phạt cho phù hợp.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn T xuất trình đơn xin miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền với lý do đã hết tuổi lao động, Hội đồng xét xử thấy đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị cáo đã 63 tuổi nên đủ điều kiện để được miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đã đề xuất.

[5] Tình tiết khác của vụ án: Đối với anh Nguyễn Xuân Trung ngày 22/02/2021 có đến nhà Bùi Văn T, Bùi Văn T1 nhưng không tham gia đánh bạc cùng với các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý không xem xét xử lý đối với anh Nguyễn Xuân Tr1 là phù hợp do đó Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 02 bộ tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu nhựa đã thu giữ, các bị cáo sử dụng chiếc chiếu trên để ngồi đánh bạc nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 6.930.000đ các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 18.380.000đ thu giữ của Phạm Văn H và 60.000đ thu giữ của Trần Đức Tr là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

- Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng của Bùi Văn T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung A31 màu xanh của Trần Đức Tr; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung S8 Plus màu đen, 01 ví giả da màu nâu, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 90B1-084.99 màu sơn đen – bạc của Phạm Văn H; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS màu đen, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu

Iphone 6 Plus màu vàng, 01 ví giả da màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza BKS 90B2- 584.16 của Nguyễn Thị H1. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của các bị cáo không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại số tài sản trên cho bị cáo Bùi Văn T, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 là phù hợp pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream BKS 90B1 – 794.68 màu sơn nâu là tài sản hợp pháp của anh Bùi Sơn T2 không liên quan đến vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã tiến hành trả lại chiếc xe trên cho anh Bùi Sơn T2 là phù hợp pháp luật.

- Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Santafe BKS 30M-5534 là tài sản hợp pháp của Hợp tác xã P, không liên quan đến vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã giao trả chiếc xe trên cho bà Hà Kim P là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã Phú P là phù hợp pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1, Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Bùi Văn T1), Điều 17, Điều 50, Điều 47, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1 và Phạm Văn H.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Thị H1), Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 47, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1.

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác V) phạm tội “Đánh bạc”.

[2] Xử phạt:

- Bị cáo Bùi Văn T 13 (mười ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Bùi Văn T1 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.



- Bị cáo Phạm Văn H 12 (mười hai ) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Đức Tr 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác V) 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn T và Bùi Văn T1 cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Văn H và Trần Đức Tr cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác V) cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 và Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1.

+ Phạt tiền bị cáo Bùi Văn T1, Phạm Văn H mỗi bị cáo 2.000.000đ (hai triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

+ Phạt tiền bị cáo Bùi Đức Tr và Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác V) mỗi bị cáo 1.000.000đ (một triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

+ Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Bùi Văn T.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ tú lơ khơ, mỗi bộ có 52 quân bài, một bộ có hoa văn màu trắng – xanh, một bộ có hoa văn màu trắng đỏ và 01 chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng màu đỏ - trắng – xanh, kích thước (1,6 x 2,0)m.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 6.930.000đ (sáu triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

- Trả lại bị cáo Phạm Văn H số tiền 18.380.000đ (mười tám triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

- Trả lại bị cáo Trần Đức Tr số tiền 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

*(Các vật chứng nêu trên có tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý và Chi cục thi hành án dân sự thành Phủ Lý ngày 18/5/2021 và Ủy nhiệm chi số 46 ngày 21/5/2021).*

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Phạm Văn H, Trần Đức Tr và Nguyễn Thị H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

[6] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- CQCSĐTCA thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- Cơ quan THAHS có thẩm quyền;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

***(đã ký)***

**Nguyễn Thị Mai Oanh**



*Phủ Lý, ngày 16 tháng 10 năm 2020*

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ

**Kính gửi:** UBND xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Tại bản án số 130/HSST ngày 09 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1/ Bùi Đình Tr,** sinh năm 1994; Nơi ĐKNKTT: Xóm 6, xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở: Xóm 3, xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Con ông Bùi Văn Tiến, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Hợp, sinh năm 1964.

**2/ Lại Duy Khôi,** sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 1, xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Con ông Lại Văn Thanh, sinh năm 1952 và bà Lại Thị Nhâm, sinh năm 1954.

**3/ Cao Văn Phương,** sinh năm 1987; nơi ĐKNKTT: Thôn 6, xã Đắc Ru, huyện Đắc R’Lấp, tỉnh Đắk Nông; nơi đăng ký tạm trú: Xóm 8, xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Con ông Cao Văn Hùng (đã chết) và bà Phạm Thị Tồn, sinh năm 1955;

**4/ Phạm Văn Thiều,** sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm 7, xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Con ông Phạm Quang Thành, sinh năm 1947 và bà Dương Thị Hậu, sinh năm 1948.

**5/ Phạm Văn Ngôn,** sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm 7, xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Con ông Phạm Mạnh Hùng, sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị Thu, sinh năm 1954.

**Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

### **Quyết định**

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Đình Tr, Lại Duy Khôi, Phạm Văn Thiều, Cao Văn Phương và Phạm Văn Ngôn phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt:

+ Bị cáo Bùi Đình Tr 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời hạn tù T1 từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2020 đến ngày 06/6/2020. Thời hạn bảo lãnh đối với bị cáo Bùi Đình Tr không quá thời hạn kể từ khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi đi chấp hành án phạt tù.

+ Bị cáo Lại Duy Khôi 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù T1 từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 04/6/2020 đến ngày 06/6/2020. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lại Duy Khôi không quá thời hạn kể từ khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi đi chấp hành án phạt tù.

+ Bị cáo Cao Văn Phương 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm T1 từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Bị cáo Phạm Văn Thiều 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm T1 từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Bị cáo Phạm Văn Ngôn 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm T1 từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Cao Văn Phương, Phạm Văn Thiều và Phạm Văn Ngôn cho Ủy ban nhân dân xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Thời hạn Lao động đối với bị cáo Cao Văn Phương, Phạm Văn Thiều không quá thời hạn kể từ khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi các bị cáo thi hành án phạt tù cho hưởng án treo. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Văn Ngôn không quá thời hạn kể từ khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi bị cáo thi hành án phạt tù cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung:

+ Phạt tiền bị cáo Bùi Đình Tr, Lại Duy Khôi, Phạm Văn Thiều, Cao Văn Phương và Phạm Văn Ngôn mỗi bị cáo 5.000.000đ để sung Ngân sách Nhà nước.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Bùi Đình Tr, Phạm Văn Thiều, Cao Văn Phương, Phạm Văn Ngôn và Lại Duy Khôi mỗi bị cáo pH1 nộp 200.000đ.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ**

**Thẩm phán**

**Nguyễn Thị Mai Oanh**